MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUAN HỆ TỘC NGƯỜI VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT - LÀO Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Văn Mạnh*

Mở đầu

Biên giới quốc gia là ranh giới xác định lãnh thổ quốc gia, gồm biên giới trên bộ, biên giới trên biển (nếu đó là quốc gia có biển), biên giới vùng trời và biên giới lòng đất. Việt Nam là một quốc gia có chung biên giới với nhiều nước trong khu vực: Trung Quốc ở phía bắc, Lào và Campuchia ở phía tây, vịnh Thái Lan ở phía nam, vịnh Bắc Bộ và Biển Đông ở phía đông với tổng chiều dài 4.639km trên bộ và 3.444km bờ biển. Biên giới và vùng biên giới ở nước ta trong những năm qua đặt ra nhiều vấn đề hết sức phức tạp: ở biên giới trên biển là sự tranh chấp với các nước Indonesia, Malaysia, Brunei, Philippines, Đài Loan, Trung Quốc. Còn biên giới trên đất liền thường xảy ra những hiện tượng quan hệ kinh tế tiềm ẩn nguy cơ tội phạm, quan hệ tộc người tiềm ẩn những vấn đề phức tạp ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững khu vực biên giới,...

Tỉnh Thừa Thiên Huế có đường biên giới với nước CHDCND Lào dài 81km, tiếp giáp với các tỉnh Saravane và Sekong. Trong lịch sử, cho đến nay, cùng với tuyến biên giới Việt - Lào dài 2.340km, biên giới Việt - Lào ở tỉnh Thừa Thiên Huế luôn ổn định, hòa bình và hữu nghị. Tuy nhiên, không phải không tồn tại những vấn đề phức tạp. Bài viết này vì vậy, tập trung giải quyết một vấn đề đang diễn ra khá phức tạp hiện nay ở vùng biên giới Việt - Lào ở tỉnh Thừa Thiên Huế: Thực trạng quan hệ tộc người ở vùng biên giới và những nguyên nhân, tác động của nó đến sự phát triển bền vững xã hội vùng biên giới.

1. Thực trạng quan hệ tộc người ở vùng biên giới Việt - Lào

Ở khu vực biên giới Việt - Lào tỉnh Thừa Thiên Huế tồn tại các dân tộc Ta Ôi (kể cả nhóm Pa Cô mà trong danh mục xác định thành phần tộc người ở nước ta năm 1979 được xếp là người Ta Ôi), Bru-Vân Kiều và Cơ Tu. Những cộng đồng tộc người này cư trú trải dài từ cao nguyên Trung và Nam Lào đến sườn Đông Trường Sơn thuộc miền núi ba tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình. Nhưng ở vùng biên giới Việt - Lào tỉnh Thừa Thiên Huế chủ yếu là tộc người Ta Ôi và nhóm Pa Cô sinh sống.

* Trường Đại học Khoa học Huế.

Người Ta Ôi ở Việt Nam phân bố chủ yếu thuộc hai tỉnh: Thừa Thiên Huế và Quảng Trị, còn ở Lào phân bố chủ yếu thuộc các tỉnh Saravane, Sekong, Savanakhet và Champasak. Dân số của người Ta Ôi ở Việt Nam năm 1976 là 18.517,(1) năm 1979 là 20.517,(2) năm 2001 là 28.956,(3) năm 2015 là 21.481 người;(4) riêng ở tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 1999 là 18.777 người,(5) năm 2015 là 18.860 người,(6) phân bố trên 12 xã và 01 thị trấn thuộc hai huyện A Lưới và 1 xã của huyện Hương Trà; cụ thể như sau:

STT	Huyện/ xã	Số khẩu/ Người
I	**A Lưới**	**18.648**
1	Hồng Vân	1.905
2	Hồng Trung	1.345
3	Bắc Sơn	747
4	Nhâm	1.447
5	Hồng Bắc	1.430
6	Hồng Thái	1.026
7	Hồng Quảng	1.568
8	A Ngo	2.359
9	Hương Lâm	1.473
10	A Đớt	1.739
11	Hồng Thủy	1.979
12	Thị trấn A Lưới	1.630
II	**Hương Trà**	**212**
1	Bình Thành	212
	Tổng cộng	**18.860**

Ở Lào, người Ta Ôi phân bố chủ yếu ở các tỉnh Saravane, Sekong, Savanakhet, Champasak với các tên gọi khác như Bru, Pakoh, Oong, Ca Nay, Ca Đô, In Ziz, Tôông, Kha Pakoh, Trau, Lào Thơng với dân số khoảng 37.500 người (1985).(7)

Một thực tế, biên giới Việt - Lào trong lịch sử, nhất là thời các nước Đông Dương cùng nhau chống xâm lăng, biên giới, vùng biên giới chỉ mang tính tương đối, người dân giữa nước này với nước khác cư trú xen cài, qua lại thường xuyên và nhất là cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm. Các tộc người ở vùng biên giới Việt - Lào của tỉnh Thừa Thiên Huế cũng nằm trong tình hình như vậy. Theo đó, người Ta Ôi, Pa Cô, Bru-Vân Kiều, Cơ Tu... ở Thừa Thiên Huế và ở các tỉnh thuộc Trung và Nam Lào đều cư trú xen cài lẫn nhau, cùng nhau đoàn kết chống ngoại xâm, không phân định dân tộc quốc gia và biên giới lãnh thổ quốc gia.

Sau năm 1975, biên giới Việt - Lào từng bước được xác định cụ thể. Địa bàn cư trú của cộng đồng tộc người Ta Ôi, Pa Cô vì vậy cũng được phân định theo biên giới quốc gia: Các gia đình theo biên giới quốc gia Việt Nam mang quốc tịch Việt Nam, các gia đình nằm ở biên giới quốc gia Lào mang quốc tịch Lào. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, cụ thể, từ những năm 1980 rất nhiều người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào đã di cư sang vùng biên giới của Việt Nam thuộc hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Trong đó số người Ta Ôi/ Pa Cô nhập cảnh vào Thừa Thiên Huế có chiều hướng ngày càng tăng. Ví dụ, theo Quyết định số 432/QĐ-CTN của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ký ngày 6/4/2012[8] cho phép nhập tịch vào Việt Nam 29 cá nhân,[9] trong đó nhập cảnh vào Việt Nam năm 1977: 01 trường hợp; năm 1978: 01; năm 1985: 01; 1988: 02; 1989: 24; còn Quyết định số 1653/QĐ-CTN của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ký ngày 12/10/2012[10] cho phép 118 người Lào nhập tịch quốc tịch Việt Nam, trong đó nhập cảnh vào Việt Nam năm 1986: 21 trường hợp; năm 1987: 32; năm 1988: 20; năm 1989: 45. Những người được nhập tịch đều là những cặp vợ chồng, cha mẹ và ông bà, còn trẻ em đang đi học trong độ tuổi dưới 18 không nằm trong danh sách nhập quốc tịch Việt Nam. Vì vậy, độ tuổi trong hai quyết định nhập quốc tịch nói trên từ 18 đến 45 tuổi theo Quyết định số 432: 14/29 người chiếm 48%, từ 46 đến 76 tuổi là 15/29 người chiếm 52%. Còn theo Quyết định số 1653: có 70/118 người từ 18 đến 45 tuổi chiếm 59%, từ 46 đến 80 tuổi có 48/118 người chiếm 41%. Theo đó, Quyết định số 432 có 29 trường hợp đều được xác định thành phần dân tộc là Ta Ôi và Pa Cô, được phân bố vào các xã ở huyện A Lưới với hai lý do nhập cảnh chủ yếu: theo gia đình và tự do; cụ thể số lượng nhập cảnh của người Lào vào các xã ở huyện A Lưới theo quyết định này như sau:

STT	Xã	Số nhân khẩu nhập tịch	Lý do nhập tịch
1	Hồng Thủy	19	Tự do: 11; Theo gia đình: 08
2	Hồng Kim	02	Tự do: 02
3	Bắc Sơn	01	Tự do: 01
4	Hồng Trung	01	Tự do: 01
5	Thị trấn A Lưới	06	Theo gia đình: 06
	Tổng cộng	**29**	**Tự do: 15 (52%)** **Theo gia đình: 14 (48%)**

Còn theo Quyết định số 1653 có 118 người, cụ thể như sau:

STT	Xã	Số nhân khẩu nhập tịch	Lý do nhập tịch
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**
1	Nhâm	62	Tự do: 42; Theo gia đình: 20
2	Hồng Thái	04	Tự do: 04
3	A Ngo	14	Tự do: 11; Theo gia đình: 03

(1)	(2)	(3)	(4)
4	Hồng Hạ	01	Theo gia đình: 01
5	Hồng Thủy	01	Theo gia đình: 01
6	Đông Sơn	03	Tự do: 01; Theo gia đình: 02
7	A Đớt	06	Tự do: 03; Theo gia đình: 03
8	A Roàng	08	Tự do: 05; Theo gia đình: 03
9	Hồng Vân	03	Tự do: 01; Theo gia đình: 02
10	Hồng Kim	02	Theo gia đình: 02
11	Hồng Bắc	07	Tự do: 06; Theo gia đình: 01
12	Thị trấn A Lưới	07	Tự do: 04; Theo gia đình: 03
	Tổng cộng	**118**	**Tự do: 77 (65%)** **Theo gia đình: 41 (35%)**

Như vậy, các hộ người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào di cư sang tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian sau năm 1975 đến 1989 và dù theo gia đình hay di cư tự do đều là nhập cảnh bất hợp pháp vào nhiều xã trên địa bàn huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế (12/20 xã). Những gia đình và cá nhân đã sống lâu dài trên 20 năm ở huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế được chính quyền địa phương xem xét đề nghị với Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam cho phép nhập quốc tịch Việt Nam. Nhưng còn nhiều trường hợp trong thời gian gần đây vẫn tiếp tục nhập cảnh vào huyện A Lưới. Theo đó, đến tháng 6 năm 2017, thực hiện đề án "Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước",(11) chính quyền huyện A Lưới đã thực hiện một số nội dung sau đây:

- Đã thành lập tổ chuyên viên liên hợp tỉnh Thừa Thiên Huế điều tra, khảo sát, lập danh sách, phân loại thời gian cư trú 08 hộ người Ta Ôi/ Pa Cô di cư tự do trong những năm qua. Các trường hợp này đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế gửi công điện đến tỉnh Sekong và Salavane.

- 08 hộ người Ta Ôi/ Pa Cô mới di cư năm 2017, chính quyền các cấp ở huyện A Lưới thực hiện tuyên truyền, vận động họ quay trở về Lào. Qua quá trình tuyên truyền, vận động, hiện nay các hộ gia đình này đã nhận thức được hành vi di cư tự do, cư trú trái phép là vi phạm pháp luật và thỏa thuận mà hai nước đã ký kết; đồng thời, họ đã hứa trước chính quyền địa phương sẽ chấp hành đúng pháp luật của hai nước, sớm trở về Lào.

Như vậy, hiện nay còn 16 hộ thuộc dân tộc Ta Ôi/ Pa Cô di cư tự do từ tỉnh Sekong - Lào sang vùng biên giới tại huyện A Lưới nhưng chưa được giải quyết triệt để; cụ thể các hộ phân bố như sau: Đông Sơn: 09 hộ, Hồng Vân: 02 hộ, Nhâm: 03 hộ, Hồng Quảng: 01 hộ, A Roàng: 01 hộ.

Tóm lại, quan hệ tộc người theo xu hướng di cư tự do ở vùng biên giới huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế diễn ra theo chiều hướng khá phổ biến và phức tạp, kéo dài nhiều năm. Trong đó hướng di cư chủ yếu là các hộ thuộc dân tộc Ta Ôi/ Pa Cô từ Lào di cư sang các xã vùng biên giới huyện A Lưới. Những hộ đã di cư và định cư trên 20 năm ở các xã biên giới huyện A Lưới đã được chính quyền địa phương đề nghị Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam chứng nhận nhập quốc tịch Việt Nam. Số còn lại hoặc đã được động viên họ trở về Lào, hoặc chưa được giải quyết. Còn một thực tế là chưa thể khẳng định hiện nay các hộ thuộc dân tộc Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào có còn tiếp tục di cư sang các xã vùng biên giới huyện A Lưới? Câu hỏi này chưa thể có lời giải. Vì vậy, việc tìm ra nguyên nhân quan hệ tộc người theo xu hướng di cư ở vùng biên giới Việt - Lào tỉnh Thừa Thiên Huế và tác động của nó đến sự phát triển bền vững xã hội là một việc làm cần thiết, cấp bách.

2. Nguyên nhân quan hệ tộc người theo xu hướng di cư ở vùng biên giới Việt - Lào tỉnh Thừa Thiên Huế và tác động của nó đến sự phát triển bền vững xã hội

Rõ ràng, quan hệ tộc người vùng biên giới Việt - Lào ở Thừa Thiên Huế chủ yếu diễn ra quá trình di cư người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào sang Việt Nam mà nguyên nhân chính do cơ sở hạ tầng, điều kiện kinh tế, xã hội các xã vùng biên giới huyện A Lưới khá tốt; nhiều dự án xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ người dân vùng biên giới nơi đây phát triển kinh tế xã hội được triển khai nhiều năm qua đã mang lại hiệu quả tích cực. Theo đó, người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào muốn chuyển cư sang các xã vùng biên giới ở A Lưới để sinh sống.

Lý do thứ hai, nhiều người Ta Ôi/ Pa Cô có quốc tịch Lào nhập cảnh vào Việt Nam với mong muốn được hưởng các chế độ ưu đãi về hộ đói nghèo và đặc biệt một số cá nhân đã tham gia cuộc kháng chiến chống ngoại xâm được Nhà nước Việt Nam cấp giấy chứng nhận gia đình có công với cách mạng, có người được nhận huân, huy chương vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước..., nên họ nhập cảnh vào Việt Nam để được hưởng các chế độ ưu đãi của nhà nước.

Lý do thứ ba, do người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào hay Việt Nam đều có họ hàng, cùng chung ngôn ngữ, văn hóa nên dễ dàng đi lại từ biên giới quốc gia Lào sang Việt Nam và ngược lại.

Phải nói rằng quan hệ tộc người theo xu hướng di cư ở vùng biên giới Việt - Lào thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế đã mang lại những mặt tích cực nhất định. Đó là:

Thứ nhất, quan hệ tộc người theo xu hướng di cư cả tự do và theo gia đình, dòng họ của người Ta Ôi/ Pa Cô ở huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế đã góp phần xây dựng vùng biên giới hữu nghị đoàn kết giữa hai dân tộc Việt - Lào.

Thứ hai, theo đó các giá trị văn hóa của dân tộc quốc gia Lào và Việt Nam thông qua quan hệ tộc người Ta Ôi/ Pa Cô ở vùng biên giới sẽ được trao đổi lẫn nhau. Những cái hay, cái đẹp của nền văn hóa Lào theo các hộ nhập cư mang đến Việt Nam và ngược lại những hộ gia đình từ Lào nhập cảnh vào Việt Nam sinh sống sau một thời gian quay trở lại Lào đã mang những giá trị văn hóa của tộc người quốc gia, văn hóa Việt Nam vào nước bạn Lào.

Thứ ba, quan hệ tộc người theo xu hướng di cư góp phần tăng cường giao lưu kinh tế, phát triển trao đổi hàng hóa ở vùng biên giới Việt - Lào; cũng như việc tăng cường các nguồn lực lao động góp phần xây dựng vùng biên giới ổn định và phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, quan hệ tộc người theo xu hướng di dân ở vùng biên giới huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế cũng tiềm ẩn những nguy cơ dẫn đến mất ổn định sự phát triển bền vững xã hội vùng biên giới, như:

Thứ nhất, quan hệ tộc người ở vùng biên giới Việt - Lào ở huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế trong những năm qua chủ yếu diễn ra theo xu hướng một chiều: những người Ta Ôi/ Pa Cô di cư từ Lào sang Việt Nam. Nếu xu hướng này vẫn tiếp tục diễn biến có thể gây nên sự hiểu nhầm từ phía bạn Lào là chúng ta lôi kéo người dân của nước bạn vào nước ta. Nên nhớ rằng ở vùng núi nước Lào nơi cư trú của người Ta Ôi/ Pa Cô mật độ dân cư thưa thớt, chỉ khoảng từ 11 đến 15 người/ $1km^2$,[(12)] nên nước bạn không mong muốn các luồng di cư đi ra khỏi lãnh thổ của mình.

Thứ hai, quan hệ tộc người theo xu hướng di cư của người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào nhập cư vào huyện A Lưới, tạo nên sự tăng dân số cơ học ở địa phương này, ít nhiều ảnh hưởng đến việc quản lý xã hội cũng như gây trở ngại không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Thứ ba, các hộ Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào sang Việt Nam đa phần là những hộ nghèo đói, đời sống gặp nhiều khó khăn. Khi sang Việt Nam trong 20 năm đầu họ chưa được nhập tịch nên chưa thể được thụ hưởng các chính sách xã hội. Chính quyền địa phương ở A Lưới phải thực hiện các chính sách "nhường cơm sẻ áo" lấy ngân quỹ của địa phương giúp đỡ các hộ nghèo đói từ nước Lào sang. Tình hình đó càng gây nên khó khăn cho chính quyền và nhân dân huyện A Lưới.

Thứ tư, quan hệ tộc người theo xu hướng di cư của người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào vào huyện A Lưới còn mang lại những hệ lụy khó khăn phức tạp về đăng ký hộ tịch, hộ khẩu, đăng ký kết hôn, nhập học cho con em các hộ từ Lào sang. Mặc dù trẻ em vẫn được đi học nhưng hầu hết đều không có giấy khai sinh. Việc cưới hỏi của các hộ gia đình này cũng không được chính quyền chấp nhận đăng ký kết hôn... Tình hình này gây nên những bất cập, khó khăn trong quản lý nhà nước của chính quyền các cấp ở huyện A Lưới.

Thứ năm, quan hệ tộc người theo xu hướng di cư của người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào vào huyện A Lưới còn mang theo một nguy cơ tiềm ẩn bọn tội phạm, những đối tượng buôn bán heroin, hàng quốc cấm, trà trộn vào các gia đình di cư nhập cảnh vào Việt Nam...

Kết luận

Tóm lại, biên giới Việt - Lào trong lịch sử luôn là đường biên giới đoàn kết hữu nghị; đường biên giới Việt - Lào ở huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế, theo đó cũng luôn ổn định và phát triển trong tình đoàn kết anh em của hai đất nước Việt - Lào. Đóng góp cho tình đoàn kết hữu nghị đó phải kể đến quan hệ tộc người mà chủ yếu là quan hệ di cư của người Ta Ôi/ Pa Cô ở Lào sang huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế từ sau năm 1975 đến nay. Quan hệ tộc người đó về cơ bản là tích cực mang nhiều giá trị cần được phát huy. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nguy cơ bất ổn. Những nguy cơ đó cần phải được chúng ta tìm hiểu một cách cụ thể để có được những giải pháp thích hợp, kịp thời. Một trong những giải pháp cần được thực hiện ở đây là tuyên truyền động viên người dân không di cư tự do từ nước này sang nước khác một cách trái phép. Ngoài số cá nhân và gia đình do lịch sử để lại họ đã nhập cảnh vào Việt Nam trên dưới 20 năm, còn lại phải có những biện pháp vừa mềm dẻo, vừa kiên quyết để đưa họ trở về lại quê hương. Có như vậy biên giới Việt - Lào nói chung và biên giới Việt - Lào ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng mới đảm bảo hữu nghị, đoàn kết, vững bền mãi mãi.

N V M

CHÚ THÍCH

(1) Khổng Diễn (1995). *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội. trang 301.

(2) Khổng Diễn (1995), sđd, trang 303.

(3) Nguyễn Văn Mạnh (2001), *Luật tục của người Ta Ôi, Cơ Tu, Bru - Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 29-30.

(4) Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

(5) Khổng Diễn (1995), sđd, trang 303.

(6) Số liệu của Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

(7) Nguyễn Duy Thiệu (Cb) (1997), *Các dân tộc ở Đông Nam Á*, Nxb VHDT, Hà Nội, tr. 98-104.

(8) Quyết định số 432/QĐ-CTN của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ký ngày 6/4/2012.

(9) Theo quy định của Nhà nước Việt Nam, những người nhập cảnh và sống tại nước ta từ 20 năm trở lên có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam sẽ được xem xét giải quyết.

(10) Quyết định số 1653/QĐ-CTN của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ký ngày 12/10/2012.

(11) Theo Báo cáo của Phòng Tư pháp huyện A Lưới, tháng 6 năm 2017.

(12) Nguyễn Duy Thiệu, sđd, tr. 114.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam (2012), Quyết định số 432/QĐ-CTN của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ký ngày 6/4/2012 và Quyết định số 1653/QĐ-CTN của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ký ngày 12/10/2012.
2. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Mạnh (2001), *Luật tục của người Ta Ôi, Cơ Tu, Bru - Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
4. Nguyễn Duy Thiệu (Cb) (1997), *Các dân tộc ở Đông Nam Á*, Nxb VHDT, Hà Nội.
5. Phòng Tư pháp huyện A Lưới (2017), "Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước"; Báo cáo của Phòng Tư pháp huyện A Lưới, tháng 6 năm 2017.

TÓM TẮT

Tỉnh Thừa Thiên Huế có đường biên giới với nước CHDCND Lào dài 81km, tiếp giáp với các tỉnh Saravane và Sekong. Trong lịch sử, cho đến nay, cùng với tuyến biên giới Việt - Lào dài 2.340km, biên giới Việt - Lào ở tỉnh Thừa Thiên Huế luôn ổn định, hòa bình và hữu nghị. Tuy nhiên, không phải không tồn tại những vấn đề phức tạp. Bài viết này vì vậy, tập trung giải quyết một vấn đề đang diễn ra khá phức tạp hiện nay ở vùng biên giới Việt - Lào ở tỉnh Thừa Thiên Huế: Thực trạng quan hệ tộc người ở vùng biên giới và những nguyên nhân, tác động của nó đến sự phát triển bền vững xã hội vùng biên giới.

ABSTRACT

SOME ISSUES ON ETHNIC RELATIONS IN THE VIETNAM-LAOS BORDER IN THE AREA OF THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE

Thừa Thiên Huế Province shares the border of 81 km long with the Lao People's Democratic Republic, adjacent to Saravane and Sekong provinces. Traditionally, within the Vietnam-Laos border of 2,340 km long, the border in Thừa Thiên Huế province is always stable, peaceful and friendly. However, there are still some trivial problems. This article, therefore, focuses on solving a complex problem happening in the Vietnam-Laos border in the area of Thừa Thiên Huế province: The situation of ethnic relations in the border; its causes as well as its impacts on the sustainable social development in the frontier.